

# LÝ GIẢI CỦA TRẦN ĐỨC THẢO VỀ NGUỒN GỐC CỦA Ý THỨC

## TRAN DUC THAO'S INTERPRETATION OF THE ORIGIN OF CONSCIOUSNESS

Lê Thị Vinh<sup>1</sup>, Phan Thành Nhâm<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội; levinh87@gmail.com

<sup>2</sup>Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; nhamphan84@gmail.com

**Tóm tắt** - Vấn đề nguồn gốc của ý thức là một trong những vấn đề phức tạp đối với lịch sử triết học. Bởi xoay quanh vấn đề này là cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Tuy nhiên, bằng việc dựa trên phương pháp luận của phép biện chứng duy vật, đặc biệt là phương pháp logic – lịch sử, phương pháp xác định điểm khởi đầu trong nghiên cứu, cùng với sự nhận thức sâu sắc về những quan điểm mang tính gợi mở của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề này, Trần Đức Thảo đã tìm hiểu và góp phần làm sáng tỏ một vấn đề quan trọng và phức tạp - vấn đề cội nguồn của ý thức. Trần Đức Thảo đã xác định điểm khởi đầu của ý thức và ranh giới giữa cái tâm thần cảm giác – vận động của động vật với cái tâm thần hữu thức của con người và lý giải nguồn của ý thức có khởi thủy từ những điều kiện vật chất, từ sự phát triển của ngôn ngữ và lao động.

**Từ khóa** - Trần Đức Thảo; ý thức; nguồn gốc ý thức; triết gia Việt Nam; chủ nghĩa Mác – Lênin

**Abstract** - The origin of consciousness is one of complex issues of philosophy history because there is an uncompromising struggle around this issue between materialism and idealism. However, by relying on the methodology of dialectical materialism, especially the logical and historical method, the method for determining the starting point in the study, along with deep understanding of open perspectives on this issue of the classics of Marxism-Leninism, Tran Duc Thao studied and contributed to shedding light on an important and complex issue - issue of origin of consciousness. Tran Duc Thao determined the starting point of consciousness and the boundary between the sense mental- movement of the animal with conscious mental of the human and interpreted the origin of consciousness beginning from material conditions, from the development of language and labour.

**Key words** - Tran Duc Thao; consciousness; The origin of consciousness; Vietnamese philosopher; Marxism-Leninism

### 1. Đặt vấn đề

Việc lý giải nguồn gốc của ý thức gắn liền với việc giải quyết mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học, thể hiện rõ sự phân chia và đấu tranh giữa các trường phái triết học – chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Tuy nhiên, bằng việc dựa trên cơ sở là những thành tựu của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội đã đạt được trong nghiên cứu nguồn gốc của ý thức, đặc biệt là những gợi ý và chỉ dẫn khoa học của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin, Trần Đức Thảo đã đi sâu tìm hiểu và làm sáng tỏ một vấn đề cực kỳ phức tạp của nhận thức – vấn đề nguồn gốc của ý thức.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Vài nét về triết gia Trần Đức Thảo

Cho đến nay, Trần Đức Thảo là người Việt Nam duy nhất được thế giới công nhận là một nhà triết học. Ông sinh ngày 26 tháng 9 năm 1917 trong một gia đình viên chức nhỏ tại xã Song Tháp, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Năm 1935, sau khi đỗ tú tài loại xuất sắc, Trần Đức Thảo theo học trường Luật tại Hà Nội. Năm 1936 ông sang Pháp học để chuẩn bị thi vào Trường Sư phạm phố d'Ulm. Đây là một trong những ngôi trường nổi tiếng của Pháp. Năm 1939 Trần Đức Thảo nhập học và đến năm 1942 tốt nghiệp thủ khoa trường này, sau đó tiếp tục học và lấy bằng thạc sĩ triết học (1942 – 1943), rồi tiếp tục nghiên cứu tại Trường Sư phạm phố d'Ulm để thực hiện luận án tiến sĩ với đề tài “Phương pháp hiện tượng học của Husserl”. Khi chiến tranh thế giới II tràn vào nước Pháp và cách mạng Tháng Tám thành công ở Việt Nam, Trần Đức Thảo đã tích cực tham gia vào những hoạt động yêu nước ở Pháp và hướng lòng về Việt Nam. Với tư cách là người Việt Nam, Trần Đức Thảo không tách cá nhân mình ra khỏi vận mệnh dân tộc, vì vậy, trong hai nhánh của hiện tượng luận lúc bấy giờ, ông đã chọn con đường chuyển từ hiện tượng luận

sang chủ nghĩa duy vật lịch sử; từ đó, đã xảy ra cuộc tranh luận nổi tiếng giữa nhà triết học Việt Nam với nhà văn, triết gia hiện sinh Pháp J. P. Satre. Cuối năm 1951, Trần Đức Thảo trở về Việt Nam. Ở chiến khu Việt Bắc, ông trở thành khách mời của Bộ Giáo dục, đi điều tra nhiều cơ sở trường học và chuẩn bị xây dựng nền giáo dục mới. Trần Đức Thảo đã từng là Ủy viên của Ban Văn sử địa, Phó giám đốc trường Đại học sư phạm Văn khoa, Chủ nhiệm Khoa sử, giáo sư lịch sử triết học của Đại học Tổng hợp Hà Nội. Từ năm 1958, sau vụ “Nhân văn Giai phẩm”, Trần Đức Thảo chuyên nghiên cứu những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, tham gia dịch các tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen cho Nhà xuất bản Sự thật và đã công bố nhiều công trình nghiên cứu trong lĩnh vực triết học. Trần Đức Thảo mất ngày 24 tháng 4 năm 1993 tại Paris.

Lý giải của Trần Đức Thảo về nguồn gốc của ý thức được thể hiện tập trung trong “Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức” được đăng lần đầu tiên trên tạp chí La Pensée (Tư tưởng), sau đó được nhà xuất bản Xã hội của Pháp in năm 1973 (bản dịch tiếng Việt do Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin xuất bản năm 1996) và “Sự hình thành con người” do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2004.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu nguồn gốc ý thức của Trần Đức Thảo

Việc tìm kiếm và lựa chọn chính xác phương pháp nghiên cứu là điều kiện tiên quyết đối với sự thành công của việc tạo lập một học thuyết khoa học và làm sáng tỏ những vấn đề nhận thức do thực tiễn đặt ra. Trên cơ sở tiếp nối những thành tựu khoa học của nhân loại trong nghiên cứu nguồn gốc của ý thức, đặc biệt là sự tiếp thu những luận điểm mang tính khoa học và gợi mở của chủ nghĩa Mác – Lênin, kế thừa phương pháp nghiên cứu của Mác trong bộ “Tư bản”, cùng với đó là một tư duy triết học sắc

sảo, Trần Đức Thảo đã xác định một phương pháp nghiên cứu quan trọng để làm rõ vấn đề cội nguồn của ý thức là phương pháp lôgic - lịch sử. Tuy nhiên, về thực chất, phương pháp lôgic “chẳng qua cũng chỉ là phương pháp lịch sử, có điều đã thoát khỏi hình thái lịch sử và khỏi những hiện tượng ngẫu nhiên gây trở ngại mà thôi” [1]. Vì vậy, hai con đường vừa khác biệt vừa thống nhất với nhau để nghiên cứu hồi cổ về sự phát sinh của ý thức, đó là con đường nghiên cứu ý thức qua cử chỉ và ngôn ngữ ở trẻ em và nghiên cứu qua những tư liệu về người tiền sử. Tính ưu việt của hai phương pháp này được xác định trong những trường hợp cụ thể. Và việc làm sáng tỏ nguồn gốc của ý thức có thể được thực hiện thông qua nghiên cứu cử chỉ và ngôn ngữ ở trẻ em là “bởi vì nếu lịch sử tiến hóa của bào thai con người trong bụng mẹ chỉ là một sự tái diễn thu ngắn của hàng triệu năm lịch sử tiến hóa về thể chất của loài vật tổ tiên của chúng ta, kể từ loài sâu bọ trở đi, thì sự tiến hóa về trí tuệ của một em bé cũng vậy, nó chỉ là một sự tái diễn thu ngắn lại hơn nữa của sự tiến hóa về trí tuệ của tổ tiên ấy, hay ít ra cũng là tổ tiên gần đây nhất” [2] - Điều này đã được Ph.Ăngghen khẳng định.

### 2.3. Xác định điểm khởi đầu của ý thức

Khác với các nhà triết học duy tâm, Trần Đức Thảo đã đứng trên lập trường triết học duy vật mácxít để đi tìm nguồn gốc của ý thức từ trong chính thể giới vật chất. Nhưng với sự vận động và phát triển không ngừng của thể giới vật chất thì việc xác định điểm khởi đầu của ý thức luôn là một vấn đề phức tạp đối với lịch sử nhận thức của nhân loại. Vì lẽ đó, khi bắt đầu quá trình nghiên cứu về nguồn gốc của ý thức, Trần Đức Thảo đã chỉ ra rằng: “Một trong những khó khăn chính của vấn đề cội nguồn của ý thức là biết đặt chính xác những bước khởi đầu của nó vào đâu. Phải vạch cụ thể ở đâu đường phân giới giữa cái tâm thần cảm giác – vận động của các động vật với cái tâm thần hữu thức mà chúng ta thấy được phát triển ở người” [3]. Tuy nhiên, giữa hai trạng thái khác nhau về trình độ phát triển (động vật – con người) còn có một giai đoạn trung gian. Bởi khi nghiên cứu quy luật phủ định của phủ định, Trần Đức Thảo đã thấy được tầm quan trọng của cái trung gian trong lịch sử tiến hóa và phát triển của nhân loại. Vì vậy, phải tìm bước khởi đầu của ý thức trong một giai đoạn trung gian, trước khi xuất hiện con người cổ xưa nhất. Giai đoạn trung gian ấy được Trần Đức Thảo gọi là giai đoạn dự thành người và được đại diện bởi các hài cốt của Vượn phương Nam châu Phi. Và “đây là giai đoạn trong đó chủ thể đã được nâng lên trên tính thú vật theo đúng nghĩa, bằng cách có thói quen lao động thích nghi, nhưng vẫn chưa đạt tới hình thức sản xuất đặc thù của xã hội người. Vậy ấy là ở trình độ mà chúng ta phải tìm hình thức nguyên thủy của ý thức như nó nảy sinh trong dòng đi của sự phát triển của hoạt động dụng cụ tính, là cái, bất rã trong sự tiến hóa động vật thực thao sự chuyển đoạn sang loài người” [3].

### 2.4. Ngôn ngữ là nguồn gốc của ý thức và có mối liên hệ chặt chẽ với ý thức

Ý thức và ngôn ngữ có mối liên hệ mật thiết với nhau. Bởi vì “ngay từ đầu tinh thần đã chịu một điều bất hạnh là “bị vấy bẩn” bởi vật chất thể hiện ở đây dưới hình thức lớp không khí chuyển động, những âm thanh, nói tóm lại là thể hiện dưới hình thức ngôn ngữ. Ngôn ngữ cũng tồn tại lâu

đời như ý thức; ngôn ngữ là ý thức hiện thực, thực tiễn, tồn tại vì cả người khác và chỉ do đó nó mới cũng tồn tại vì bản thân tôi nữa và cũng như ý thức, ngôn ngữ chỉ xuất hiện từ nhu cầu, từ sự tất yếu phải giao tiếp với những người khác” [4]. Và “sự sản xuất ra những ý niệm, những quan niệm và ý thức thì lúc ban đầu là trực tiếp gắn liền mật thiết với hoạt động vật chất và với sự giao tiếp vật chất của con người – ngôn ngữ của cuộc sống hiện thực” [4].

Như vậy, ý thức phải được khảo cứu trước hết trong “tình hiện thực trực tiếp” của nó, đó chính là ngôn ngữ. Tất nhiên, ngôn ngữ được hiểu theo nghĩa chung, bao gồm ngôn ngữ cử chỉ và ngôn ngữ khẩu thiệt. Trong đó, cái ngôn ngữ ban đầu, ngôn ngữ khởi thủy, đó là ngôn ngữ cử chỉ chỉ dẫn đã tạo ra sự khác biệt giữa cái tâm thần cảm giác – vận động (một hình thức phản ánh có ở động vật bậc cao) với cái tâm thần hữu thức được phát triển ở con người. Trần Đức Thảo đã chỉ ra rằng, những con vượn “cũng có thể dùng những tín hiệu cho những ứng xử nào đó nhưng không có nghĩa thực sự, với tư cách là ý nghĩa về đối tượng, điều ấy chứng minh sự vắng mặt ở con vượn mỗi quan hệ hữu thức với đối tượng như được diễn đạt cụ thể trong ngôn ngữ” [3]. “Cử chỉ chỉ dẫn, với tư cách dấu hiệu nguyên thủy của ngôn ngữ, trình ra đặc điểm hoàn toàn đơn lẻ là nó sản sinh ra ý nghĩa riêng của nó hoàn toàn bằng chính bản thân nó, bằng hình thức giản đơn của nó” [3]. Ban đầu là cử chỉ chỉ dẫn vòng cung và sau đó là cử chỉ chỉ dẫn theo đường thẳng hoặc có thể là cử chỉ chỉ dẫn được trình ra dưới hình thức kép. Ví như, đứa trẻ có thể lấy ngón trỏ chỉ thẳng vào đối tượng, hoặc làm một động tác hình cánh cung, trước tiên bàn tay gợn về phía mẹ sau đó chỉ vào đối tượng.

Tuy nhiên, ở đây, có sự khác nhau hoàn toàn về trình độ giữa hai hình thái ký hiệu học, đó là các điệu bộ của con người chưa hình thành với ngôn ngữ thực sự, tức là thứ ngôn ngữ bằng lời nói, một đặc thù của con người. Vì vậy, ngôn ngữ của đời sống hiện thực trong quan niệm của Mác, được Trần Đức Thảo lý giải là vận động vật chất của sản xuất xã hội khi nó làm trung gian cho ý thức, hiển nhiên chứa đựng hình thức của tiếng gọi. “Ngôn ngữ của đời sống hiện thực như là tiếng gọi tín hiệu của lao động và các quan hệ vật chất trong sản xuất tập thể, trước hết hiển nhiên hướng tới những người khác, đồng thời cũng là của mỗi người hướng tới bản thân bằng sự trung gian của hình ảnh xã hội mà nó có trong bản thân. Và chính ở việc kêu gọi dành cho chính mình là hệ quả biện chứng của việc kêu gọi những người khác mà ý thức được xây dựng thành ý thức xã hội” [5]. Rõ ràng, ngôn ngữ không chỉ đơn giản là sự diễn đạt của tư tưởng hay của ý thức, mà ngôn ngữ chính là bản thân ý thức trong tính “hiện thực trực tiếp” của nó. Giải thích cụ thể hơn nữa, ý thức là ngôn ngữ mà nói với chính nó, nói chung dưới hình thức phác thảo của “ngôn ngữ bên trong”. “Ngôn ngữ bên trong là tiếng gọi của hình ảnh bên trong của cơ thể phù hợp với lao động trên đối tượng, mang hình thức “ngôn ngữ hay tiếng gọi tín hiệu học sống bằng sự tự phản chiếu trên hình ảnh xã hội bên trong, điều này làm cho nó quay trở về với bản thân nó như là hình ảnh của chính nó nhằm vào đối tượng hay là ý thức sống trải về đối tượng: Kết quả là do chức năng ngữ nghĩa nhằm vào đối tượng, ý thức được hình thành như là nhận thức về thể giới hiện thực. Đồng thời do chức năng hô cách,

như là tiếng gọi với bản thân, nó sản sinh ra phần bổ sung năng lượng thần kinh được nâng lên thành hình thức năng lượng tâm lý và trí tuệ, trong đó ý thức được xây dựng thành xúc cảm, ý chí và vị trí giá trị. Trên nền tảng các tiếng gọi của hình ảnh xã hội bên trong, ý thức trong tiếng gọi của nó với bản thân đặt ra yêu cầu về cái thiện trong hành động, cái đúng trong nhận thức, và cái đẹp trong việc hoàn tất các quá trình sống trải. Do vậy, ý thức làm cho thế giới tự nhiên trở thành thế giới con người, có giá trị với con người” [5].

Như vậy, ngôn ngữ của đời sống hiện thực chính là tiền tồn đối với ý thức, là “sản phẩm trực tiếp của các quan hệ vật chất”. Do đó, hoàn toàn có thể dựa trên những tư liệu tiền sử về hoạt động vật chất đặc thù của mỗi giai đoạn, để suy ra mức độ tinh thần, ý thức bao hàm trong mỗi giai đoạn ấy. Nhưng để làm sáng rõ cội nguồn của ý thức trong trạng thái đương đại của nó, Trần Đức Thảo đã tìm đến các dữ kiện cụ thể trong tâm lý học trẻ em và nhận thấy “cử chỉ của con tinh tinh xét một cách nghiêm chỉnh không có nghĩa của lời nói con người, bởi vì con vật có thể học được hơn một trăm ký hiệu cử chỉ, trong khi sau nhiều năm giáo dục nó chỉ có thể nói được vài “từ” mà nó không thể chứng minh rằng các ký hiệu âm thanh đó có một cấu trúc ngữ nghĩa của một từ do một em nhỏ 15 tháng tuổi sử dụng (...). Từ mà đứa trẻ 15 tháng tuổi dùng một cách riêng rẽ chứa đựng một phép biện chứng tóm tắt sự vận động ngôn ngữ đầu tiên của đời sống hiện thực con người được lấy lại ở từ nguyên gốc của ngôn ngữ đầu tiên như chúng ta có thể tái tạo nó từ quá trình dây chuyền hoạt động sơ đẳng được bao hàm trong việc sản xuất những công cụ đầu tiên ở người khéo léo” [5].

### 2.5. Sản xuất công cụ lao động và sự ra đời ý thức

“Trước hết là lao động, sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ, đó là hai sức kích thích chủ yếu đã ảnh hưởng đến bộ óc của con vượn, làm cho bộ óc đó dần dần chuyển thành bộ óc của con người” [2]. Và khi “đem so sánh con người với các loài vật, người ta sẽ thấy rõ rằng ngôn ngữ bắt nguồn từ lao động và cùng phát triển với lao động, đó là cách giải thích duy nhất đúng về ngôn ngữ” [2] – Ph. Ăngghen đã khẳng định như vậy. Vì lẽ đó, Trần Đức Thảo đã đi sâu tìm hiểu sự hình thành ý thức qua những biểu thị ngôn ngữ gắn liền với quá trình sản xuất vật chất, tức là gắn với lao động, mà lao động lại bắt đầu cùng với việc chế tạo ra công cụ. Trần Đức Thảo đã khẳng định: từ dụng cụ sang công cụ là một bước nhảy vọt: con khi chẳng hạn chỉ biết dùng cơ quan tự nhiên để sử dụng dụng cụ, tức thì và trực tiếp, nhằm thỏa mãn một nhu cầu sinh lý, không có khả năng dùng dụng cụ này để làm ra dụng cụ khác. Sự chế tác công cụ, trái lại, đòi hỏi không những sự sử dụng một dụng cụ trung gian để tạo ra vật cần dùng, dùng đá nhọn để ghè một hòn đá khác làm rìu, mà còn đòi hỏi phải có trong óc hình ảnh của một đối tượng vắng mặt đó.

Với cơ sở là những dữ kiện về các giai đoạn sản xuất tiền sử, Trần Đức Thảo đã lý giải một cách sâu sắc sự hình thành ý thức ở người chế tác (homo faber). Nghiên cứu những tư liệu tiền sử, đặc biệt là nghiên cứu văn hóa oldovien như là bước kết thúc của thời kỳ mang thai, Trần Đức Thảo đã viết: “Với tư cách người sản xuất, *Người khả năng* đã vượt *giai đoạn trung gian* từ vượn đến người. Nhưng với tư cách

*người sản xuất dụng cụ, không phải công cụ, hẳn vẫn còn là “người đang hình thành”*. Vậy hẳn vẫn còn sở thuộc thời kỳ bào thai mà hẳn xác định bước kết thúc, bước sẽ dẫn sang “con người hoàn tất” hay “con người thành nhân”, với tư cách người sản xuất công cụ. Sự sản xuất công cụ xuất hiện lần đầu tiên với cái rìu tay chelléen. Chỉ lúc này người mới thực tại tách khỏi tự nhiên để sinh ra trong thế giới của văn hóa, với tư cách *người chế tác*” [3].

Tiến trình phát triển của dụng cụ lao động gắn liền với sự ra đời của ngôn ngữ và ý thức đã được Trần Đức Thảo khái quát với những bước phát triển sau: 1. Dụng cụ tự nhiên, xuất hiện một cách rời rạc lẻ tẻ ở vượn, trở thành một nếp sống thông thường vào cuối thời kỳ Vượn người, nếp sống ấy khiến ra đời dụng cụ chuẩn bị (khởi thủy của ngôn ngữ chỉ dẫn); 2. Bàn tay được giải phóng, sự lao động thích nghi, với dụng cụ tự nhiên và dụng cụ chuẩn bị, trở thành một ứng xử ổn định trên cơ sở sự tiến bộ của cấu trúc sinh vật, điều này bao gồm sự cố định hóa hoàn toàn dấu hiệu chỉ dẫn trong tổ chức thần kinh; 3. Dụng cụ tu chỉnh. Sự lao động tu chỉnh đặt ra một mặt, sự biểu hiện đối tượng sinh vật vắng mặt, mặt khác, biểu hiện hỗn hợp hình thức dụng cụ tính; 4. Dụng cụ làm ra. Giai đoạn con người đang hình thành hoặc Homo habilis. Sự sản xuất dụng cụ một mặt là sự biểu hiện tinh thể sinh vật vắng mặt, mặt khác biểu hiện điển hình hình thức dụng cụ tính, là hình thức của bộ phận hữu ích của dụng cụ; 5. Công cụ, xuất hiện trong văn hóa chelléen, đánh dấu sự ra đời thực sự của giống Homo trong hình ảnh của Homo faber (Người vượn java) [3].

Như vậy, rõ ràng, muốn làm rõ cội nguồn của ý thức thì việc xác định được điểm khởi đầu của ý thức là thực sự cần thiết. Do vậy, Trần Đức Thảo đã chỉ ra lẽ tất nhiên khi định niên đại của ý thức ngay ở chính bước đầu tiên của nhân loại, với sự xuất hiện những công cụ đầu tiên mà sự sản xuất chúng đã bao hàm sự dự định trước hình dạng của chúng trong chủ thể đã sản xuất ra chúng. Bởi “Con nhện làm những động tác giống như những động tác của người thợ dệt, và bằng việc xây dựng những ngăn tổ sập của mình, con ong làm cho một số nhà kiến trúc phải hổ thẹn. Nhưng điều ngay từ đầu phân biệt nhà kiến trúc tồi nhất với con ong giỏi nhất là trước khi xây dựng những ngăn tổ ong bằng sập, nhà kiến trúc đã xây dựng chúng ở trong đầu óc của mình rồi. Cuối quá trình lao động, người lao động đã thu được cái kết quả mà họ đã hình dung ngay từ đầu quá trình ấy, tức đã có trong ý niệm (tư tưởng) rồi. Con người không chỉ làm biến đổi hình thái những cái do tự nhiên cung cấp; trong những cái do tự nhiên cung cấp, con người cũng đồng thời thực hiện cái mục đích tự giác của mình, mục đích ấy quyết định phương thức hành động của họ giống như một quy luật mà bất ý chí của họ phải phục tùng nó. Và sự phục tùng ấy không phải là một hành vi đơn nhất” [16].

### 3. Đánh giá

Vấn đề nguồn gốc của ý thức không phải là vấn đề mới. Trong kho tàng lý luận của mình, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã đưa ra nhiều chỉ dẫn quan trọng. Tuy nhiên, công lao của Trần Đức Thảo, đồng thời cũng là điểm mới trong nghiên cứu của ông, là ở chỗ Trần Đức Thảo đã vạch ra những kiến giải rất riêng của mình về cội nguồn ngôn

ngữ của ý thức, về nguồn gốc của ý thức trong cuộc tiến hóa của hệ thần kinh. Các nghiên cứu của Mác và Ăngghen về ý thức, cũng như sự hình thành, phát triển của con người, mới chỉ được phác thảo những nét rất cơ bản, chủ yếu là về mặt xã hội, dựa trên những kiến thức của khoa học thời bấy giờ. Trên cơ sở những phác thảo có tính nền tảng đó, cùng với những hiểu biết trong lĩnh vực sinh vật học và tâm lý học, Trần Đức Thảo đã đưa ra những kiến giải của mình, làm rõ hơn quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc của ý thức. Trước hết là về vấn đề xác định điểm khởi đầu nghiên cứu ý thức: kế thừa phương pháp của Mác trong bộ “*Tư bản*”, Trần Đức Thảo đã xác định được bước khởi đầu của ý thức trong giai đoạn dự thành người. Từ đây, Trần Đức Thảo đã tìm đến các dữ kiện cụ thể trong tâm lý học trẻ em để làm sáng tỏ cội nguồn của ý thức trong trạng thái đương đại của nó. Trần Đức Thảo đã làm rõ hơn vai trò của ngôn ngữ trong sự hình thành ý thức; phân tích rõ hơn bước phát triển của con người trong sử dụng công cụ, nhấn mạnh bước ngoặt cách mạng khi con người biết chế tác công cụ lao động. Trần Đức Thảo đã lý giải thuật ngữ “ngôn ngữ của đời sống hiện thực” trong quan niệm của Mác chính là vận động vật chất của sản xuất xã hội. Từ đó, Trần Đức Thảo khái quát tiến trình phát triển của dụng cụ lao động gắn liền với sự ra đời của ngôn ngữ và ý thức.

Mặc dù Trần Đức Thảo chưa xây dựng được học thuyết triết học thực sự mới về ý thức (ý thức luận), nhưng những tìm tòi của ông đã cho chúng ta thấy một nỗ lực nghiên cứu không biết mệt mỏi, một tinh thần sáng tạo khoa học. Những thành tựu trong nghiên cứu nguồn gốc ý thức của ông là một minh chứng hùng hồn phản bác lại luận điểm của Sartre cho rằng “chủ nghĩa Mác chỉ có ý nghĩa về chính trị, còn triết học không đáng kể, vì không giải quyết vấn đề ý thức” [7].

#### 4. Kết luận

Với những nghiên cứu của Trần Đức Thảo về nguồn gốc của ý thức trong các công trình như *Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức*, *Sự hình thành con người*,... đã tiếp tục xác nhận nguồn gốc chủ yếu dẫn đến sự chuyển biến từ bộ óc vượn sang bộ óc người, từ hình thức phản ánh tâm lý động vật sang hình thức phản ánh ý thức là do lao động xã hội và ngôn ngữ. Với những luận giải của Trần Đức Thảo về nguồn gốc của ý thức đã chứng tỏ ở ông có một tư duy triết học tuyệt vời và một sự hiểu biết sâu sắc phép biện chứng duy vật cũng như chủ nghĩa duy vật lịch sử. Việc làm sáng tỏ nguồn gốc của ý thức dựa trên những gợi ý và chỉ dẫn khoa học của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác – Lênin và sự vận dụng sáng tạo phương pháp lôgic – lịch sử cùng với các phương pháp nghiên cứu khác của chủ nghĩa Mác, Trần Đức Thảo đã có những đóng góp to lớn trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995: 615.
- [2] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995: 635, 646, 645.
- [3] Trần Đức Thảo, *Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 1996: 19, 21, 22, 50, 98, xem 99-100.
- [4] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995: 43, 37.
- [5] Trần Đức Thảo, *Sự hình thành con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004: 23, 26-27, 13-14.
- [6] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 23, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995: 266-267.
- [7] Trần Đức Thảo, *Vấn đề con người và chủ nghĩa “Lý luận không có con người*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1989: 11.

(BBT nhận bài: 15/04/2015, phản biện xong: 16/05/2015)